

KẾ HOẠCH

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026

Căn cứ Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, ngày 18/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quy định số 58-QĐ/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trên địa bàn tỉnh;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm trang bị kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kiến thức lý luận chính trị, kiến thức cơ bản về kỹ năng lãnh đạo, quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực thi công vụ, nhiệm vụ trong thời kỳ mới; góp phần xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh; đồng thời, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh cán bộ theo quy định.

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải đảm bảo chất lượng, đúng thẩm quyền, chương trình, nội dung theo quy định; chọn cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng các chương trình phải công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

- Cán bộ được chọn cử đi học cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; chấp hành nghiêm nội quy, quy chế, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

II- NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

- Chọn cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ gắn với vị trí việc làm, đúng đối tượng, tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ; nhu cầu xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; kết hợp chặt chẽ với công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Trên cơ sở rà soát nguồn cử đi đào tạo, bồi dưỡng và đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chỉ tiêu được giao, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Các trường hợp không cử đào tạo, bồi dưỡng khi cán bộ, công chức, viên chức đang tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác trong cùng một thời gian; đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

III- PHƯƠNG PHÁP

- Cấp thẩm quyền xem xét, quyết định cử, triệu tập cán bộ đi học nêu tại Kế hoạch này theo phương thức xét tuyển với thứ tự ưu tiên: (1) Cán bộ đang chức nhưng còn thiếu chuẩn; (2) Cán bộ quy hoạch kế cận.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng đúng theo đối tượng quy định. Đối với đào tạo sau đại học phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức được đề cử. Tất cả các trường hợp đề cử đi học sau đại học bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước phải được Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương tham gia mới được dự tuyển. Trường hợp Thường trực Tỉnh ủy đã cho chủ trương đi học bằng ngân sách nhà nước nhưng cán bộ, công chức, viên chức không thể sắp xếp đi học trong năm thì không được bảo lưu cho năm sau.

B. NỘI DUNG VÀ SỐ LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

I- ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYỂN TỪ CÁC NĂM TRƯỚC

1. Khối đảng, đoàn thể

- Đào tạo chuyên môn cho 38 đồng chí (12 tiến sĩ, 26 thạc sĩ).

- Đào tạo lý luận chính trị 23 lớp (04 lớp cao cấp, 19 lớp trung cấp) cho 1.410 cán bộ.

(Kèm theo phụ lục số 01).

2. Khối Nhà nước, Lực lượng vũ trang

- Đào tạo chuyên môn cho 448 đồng chí (17 tiến sĩ, 160 thạc sĩ, 29 chuyên khoa II, 242 bác sĩ chuyên khoa I).

- Lực lượng vũ trang bồi dưỡng cho 507 đồng chí (Quân sự tỉnh 384, Biên phòng tỉnh 123).

(Kèm theo phụ lục số 02).

II- KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NĂM 2026

1. Khối Đảng, đoàn thể

1.1. Đào tạo chuyên môn sau đại học

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ 05 đồng chí (đối tượng có quy hoạch từ trường phòng và tương đương), gồm các chuyên ngành: Triết học 02, Kinh tế chính trị 01, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước 01, Bảo vệ thực vật 01.

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ 10 đồng chí (đối tượng có quy hoạch từ trường phòng và tương đương), gồm các chuyên ngành: Báo chí 01, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước 01, Lịch sử Đảng 01, Luật 02, Quản lý kinh tế 02, Kinh tế chính trị 01, Tôn giáo 01, Thủy sản 01.

(Kèm theo phụ lục số 03).

1.2. Đào tạo lý luận chính trị

a) Cao cấp lý luận chính trị 04 lớp, 217 đồng chí (trong đó: Hệ tập trung 02 lớp, 97 đồng chí; hệ không tập trung 02 lớp, 120 đồng chí).

b) Trung cấp lý luận chính trị 12 lớp, 520 đồng chí⁽¹⁾ (trong đó: Hệ tập trung 04 lớp, 120 đồng chí; hệ không tập trung 08 lớp, 400 đồng chí).

1.3. Bồi dưỡng

a) Bồi dưỡng nước ngoài

Bồi dưỡng nước ngoài theo Kết luận số 39-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và bồi dưỡng theo chuyên đề, chủ đề (Ban Tổ chức Trung ương giao chỉ tiêu).

b) Bồi dưỡng ngoài tỉnh

- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 1: 04 đồng chí.

- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 2: 30 đồng chí.

- Bồi dưỡng chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: 06 đồng chí.

c) Bồi dưỡng trong tỉnh

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp 06 lớp, 480 đồng chí.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho bí thư, phó bí thư cấp ủy xã, phường, đặc khu 02 lớp 160 đồng chí.

¹ Mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng cấp xã 01 lớp, 102 đồng chí.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng: 01 lớp 550 đồng chí.

- Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên Trung tâm chính trị cấp xã 01 lớp, 78 đồng chí.

- Bồi dưỡng, tập huấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh 07 lớp, 1.208 đồng chí.

(Kèm theo phụ lục số 04).

2. Khối Nhà nước, Lực lượng vũ trang

2.1. Đào tạo chuyên môn sau đại học

2.1.1. Khối cơ quan hành chính, sự nghiệp

- Đào tạo trình độ tiến sĩ: 05 đồng chí⁽²⁾ (đối tượng có quy hoạch từ trưởng phòng và tương đương), gồm các chuyên ngành: Luật 02, Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số 01, Kinh tế nông nghiệp/phát triển nông thôn 01, Quản lý đất đai 01.

- Đào tạo trình độ thạc sĩ 12 đồng chí (đối tượng có quy hoạch từ trưởng phòng và tương đương) gồm các chuyên ngành: Luật 06, Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số 01, Quản lý Tài nguyên Môi trường 01, Báo chí 01, Kinh tế/Quản trị kinh doanh 01, Quản lý Văn hóa 02.

(Kèm theo phụ lục số 05).

2.1.2. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo 99 đồng chí⁽³⁾

- Tiến sĩ 07 đồng chí, gồm các chuyên ngành/nhóm ngành: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên 03; Toán học 03; khoa học tự nhiên 01.

- Thạc sĩ 92 đồng chí, gồm các chuyên ngành/nhóm ngành: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên 68; nhân văn 06; máy tính và công nghệ 07, khoa học và tự nhiên 04, khoa học sự sống 05, kỹ thuật 01; kinh doanh và quản lý 01.

² Đối tượng đào tạo trình độ Tiến sĩ: Cán bộ lãnh đạo phòng cấp tỉnh được quy hoạch được cán bộ diện BTV Tỉnh ủy quản lý 04. Đương chức trưởng phòng cấp tỉnh 01.

³ Báo cáo số 2282/SGDĐT-TCCB, ngày 16/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về đề xuất duyệt chỉ tiêu đào tạo sau đại học năm 2026 (Hiện tại trình độ sau đại học của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đạt tỷ lệ 18,46%, vì vậy để đảm bảo đến năm 2030 đạt 30% theo Kế hoạch số 121/KH-UBND, ngày 28/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện phát triển giáo dục đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Theo Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến đào tạo đội ngũ giáo viên trình độ sau đại học đến năm 2030 là 695 đồng chí để đảm bảo 30%, trong đó năm 2026 đào tạo 99 (Tiến sĩ 07, thạc sĩ 92) còn lại phân kỳ năm 2027 đào tạo 176; 2028 đào tạo 200; năm 2029 đào tạo 150; năm 2030 đào tạo 70.

2.1.3. Lĩnh vực Y tế 406 đồng chí⁽⁴⁾

- Tiến sĩ 21 đồng chí, trong đó: Công chức thuộc Sở Y tế 03 đồng chí (chuyên ngành/nhóm ngành: Y tế công cộng 01, Kinh tế 01, Dược 01). Viên chức 18 đồng chí (chuyên ngành/nhóm ngành: Y tế cộng đồng 02, Quản lý điều dưỡng 03, Dược/Dược học 01, Quản lý bệnh viện 01, Nội khoa 08, Khoa học y sinh 01, Hội sức cấp cứu và chống độc 01, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất 01).

- Thạc sĩ 103 đồng chí, trong đó: Công chức thuộc Sở Y tế 02 đồng chí (chuyên ngành/nhóm ngành: Quản lý Y tế 01, Khoa học máy tính 01). Viên chức 101 đồng chí (chuyên ngành/nhóm ngành: Nội/Nội khoa 08, Công nghệ thông tin 01, Công nghệ thực phẩm 01, Công tác xã hội 01, Chấn thương chỉnh hình 02, Chính sách công 02, Dinh dưỡng 01, Kinh tế 01, Kỹ thuật hình ảnh y học 02, Điều dưỡng 46, Kỹ thuật xét nghiệm y học 02, Luật/Luật kinh tế 03, Quản lý bệnh viện 02, Quản lý công 05, Quản lý Y tế 11, Tâm thần 01, Y tế cộng đồng 08, Y tế dự phòng 03, Triết 01).

- Chuyên khoa cấp II 86 đồng chí, trong đó: Công chức thuộc Sở Y tế 05 đồng chí (ngành/nhóm ngành: Quản lý Y tế 03, Dược lý và dược lâm sàng 02). Viên chức 81 đồng chí (ngành/nhóm ngành: Ung thư 01, Chẩn đoán hình ảnh 04, Gây mê hồi sức 04, Nhi khoa 01, Nội tổng quát/Nội tiết/Nội khoa 12, Ngoại khoa/Ngoại/ Ngoại tổng quát 14, Răng hàm mặt 02, Tai mũi họng 02, Thần kinh 01, Sản phụ khoa 05, Truyền nhiễm 03, Xét nghiệm 02, Y học dự phòng/Y học cổ truyền 06, Tổ chức quản lý dược 05, Quản lý Y tế 18).

- Chuyên khoa cấp I 196 đồng chí, nhóm ngành/chuyên ngành: Gây mê hồi sức 08, Chẩn đoán hình ảnh 11, Chấn thương chỉnh hình 02, Da liễu 01, Điều dưỡng 22, Dược lý và dược lâm sàng 12, Giải phẫu bệnh 01, Hộ sinh 06, Hồi sức cấp cứu 10, Huyết học 01, Kỹ thuật xét nghiệm y học 10, Lao và bệnh phổi 03, Nhân khoa 03, Nhi khoa 09, Nhóm ngành ngoại khoa 09, Nhóm ngành nội khoa 36, Phục hồi chức năng 02, Răng hàm mặt 01, Sản phụ khoa 06, Tai mũi họng 05, Thần kinh 01, Tổ chức quản lý dược 05, Nhóm ngành truyền nhiễm/ Truyền nhiễm bệnh học nhiệt đới 05, Ung thư 01, Nhóm ngành Y học dự phòng/Y học cổ truyền/Y học gia đình/y học hạt nhân 21, Tâm thần 01, Kỹ thuật hình ảnh 02.

2.1.4. Đào tạo trình độ thạc sĩ theo kế hoạch hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh⁽⁵⁾

- Thạc sĩ Hệ Điều hành cao cấp Quản trị đô thị thông minh và sáng tạo;
- Thạc sĩ Hệ Điều hành cao cấp Chính sách công.

⁴ Báo cáo số 162/BC-SYT, ngày 06/4/2026 của Sở Y tế về rà soát quy hoạch đào tạo năm 2026 (Số lượng đào tạo gắn với quy hoạch chức vụ và định hướng phát triển của đơn vị. Tỷ lệ nhân lực tương ứng với hạng của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 06/2024/TT-BYT, ngày 16/5/2024 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định về xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế).

⁵ Kế hoạch số 30-KH-UBND, ngày 26-01-2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất đối tượng, số lượng, thời gian đào tạo, kinh phí và tham mưu Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2.2. Bồi dưỡng

2.2.1. Khối Nhà nước

a) Bồi dưỡng ngoài nước theo chủ đề “nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý” 01 lớp khoảng 60 đồng chí học trong nước, sau đó chọn cử 20 đồng chí bồi dưỡng tại Singapore (có kế hoạch thực hiện riêng).

b) Bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài tỉnh

- Sở Nội vụ bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 44 lớp, 4.482 đồng chí.
- Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang tổ chức bồi dưỡng 05 lớp, 280 đồng chí.
- Trường Cao đẳng Kiên Giang bồi dưỡng 02 lớp, 90 đồng chí.
- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bồi dưỡng: 14 lớp, 560 đồng chí.
- Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức bồi dưỡng: 02 lớp, 306 đồng chí.
- Sở Tư pháp tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 06 lớp, 1.404 đồng chí.
- Thanh tra tỉnh tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 03 lớp, 579 đồng chí.
- Sở Du lịch tổ chức tập huấn 05 lớp, 500 đồng chí.

(Kèm theo phụ lục số 06).

2.2.2. Khối Lực lượng vũ trang (Công an, Quân sự, Biên phòng)

a) Quân sự tỉnh tổ chức bồi dưỡng thi tuyển sinh quân sự vào các trường trong quân đội 01 lớp, 50 đồng chí và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 398 đồng chí.

- Bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 99 đồng chí.

b) Công an tỉnh tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 42 lớp, 6.095 đồng chí.

(Kèm theo phụ lục số 07).

III- CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHÁC

Ngoài các đối tượng được cử đào tạo các lớp nêu trên, trên cơ sở rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025 - 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát cử cán bộ đào tạo trình độ sau đại học đối với các chuyên ngành phục vụ phát triển các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh như: du lịch, kinh tế biển, kinh tế nông nghiệp, quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng và logistics.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp nhu cầu, tham mưu đề xuất trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định tổ chức thực hiện.

C. KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức sẽ được đảm bảo từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của đơn vị theo quy định.

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, cán bộ thuộc ngành dọc Trung ương theo Kế hoạch này do các cơ quan, đơn vị ngành dọc đảm bảo theo quy định.

* Tổng số nhu cầu kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các lớp theo kế hoạch **125.886.374.000** đồng (*Một trăm hai mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trường Chính trị Tôn Đức Thắng

- Xây dựng kế hoạch tổ chức giảng dạy hoặc phối hợp tổ chức giảng dạy theo kế hoạch được duyệt đối với các lớp tổ chức tại Trường.

- Tổ chức tuyển sinh, mở lớp theo quy định và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) danh sách học viên nhập học, danh sách học viên tốt nghiệp các lớp trung cấp lý luận chính trị.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền; thường xuyên theo dõi, quản lý học viên các lớp đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức tại Trường.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định cử hoặc cho chủ trương cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo sau đại học, Cao cấp lý luận chính trị, các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo chiêu sinh của Ban Tổ chức Trung ương theo phân cấp quản lý; các lớp bồi dưỡng cập nhật các chức danh trưởng, phó trưởng các ban tổ chức, ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính, văn phòng và ủy ban kiểm tra cấp tỉnh; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp xã; cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị; các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 1 và đối tượng 2.

- Trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, phối hợp với các Học viện (được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phân bổ chỉ tiêu) tổ chức đào tạo các lớp Cao cấp lý luận chính trị theo kế hoạch. Chủ trì, phối hợp mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở sở và tương đương; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã và các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác dành cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.

- Phối hợp với Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tổ chức, theo dõi các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch mở tại tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này để kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cán bộ.

- Nghiên cứu, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy giải quyết, đề nghị tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác tại Mục III kế hoạch này.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định hiện hành về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và các quy định khác có liên quan.

- Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước tham gia đào tạo sau đại học bằng kinh phí ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy; phê duyệt danh sách và cử cán bộ, công chức, viên chức bồi dưỡng khối Nhà nước theo phân cấp quản lý cán bộ (*đối với trường hợp cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy trước khi quyết định*).

- Giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng theo chủ đề “nâng cao năng lực lãnh đạo và quản trị toàn cầu” theo kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) về việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Mục III kế hoạch này.

- Chỉ đạo Sở Tài chính theo dõi và cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền quyết định cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc đề cử cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan lực lượng vũ trang (gọi chung là cán bộ) thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ đang đảm nhiệm.

- Tạo điều kiện cho cán bộ công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quyết định cử, triệu tập tham gia các lớp nêu tại Kế hoạch này.

- Rà soát, nắm chắc và có biện pháp hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác tại đơn vị, địa phương tự bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của ngành công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức quy định cho từng chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, đơn vị, chủ động phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ đề xuất Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương mở các lớp bồi dưỡng nêu tại Mục III Kế hoạch này, đảm bảo đúng đối tượng, thiết thực, hiệu quả.

- Các trường hợp được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nếu không có lý do chính đáng mà cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị công tác không chấp hành quyết định cử đi học thì xem xét xử lý theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, giao Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *nel*

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c),
- Đ/c Nguyễn Văn Hiệp, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương III-BTCTW,
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy (để b/c)
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy,
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- BTV đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Nhân

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC VÀ KINH PHÍ
CÁC LỚP ĐÀO TẠO CHUYÊN TIẾP TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CỦA KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ
(kèm theo Kế hoạch số 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Cơ sở đào tạo, đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
I	Đào tạo chuyên môn sau đại học			38			2.260.000.000		
1	Tiến sĩ			12			960.000.000		
	Quản lý kinh tế	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2023	2027	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Kinh tế chính trị	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2023	2027	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Triết học	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2023	2026	80.000.000	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
	Tôn giáo học	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2023	2026	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Lịch sử Việt Nam	Viên chức lãnh đạo, quản lý		1	2024	2027	80.000.000	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
	Hồ Chí Minh học	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2024	2027	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Pháp luật về quyền con người	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2024	2027	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và quy hoạch		1	2024	2027	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và quy hoạch		2	2025	2028	160.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Cơ sở đào tạo, đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
	Hồ Chí Minh học	Viên chức lãnh đạo, quản lý		1	2025	2028	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
	Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và chủ nghĩa Duy vật lịch sử	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		1	2025	2028	80.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
2	Thạc sĩ			26			1.300.000.000		
	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Cán bộ, công chức quy hoạch		1	2023	2025	50.000.000	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	
	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Cán bộ, công chức quy hoạch		1	2023	2025	50.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	
	Lý luận Lịch sử nhà nước và pháp luật	Cán bộ, công chức quy hoạch		2	2023	2025	100.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	
	Luật Kinh tế	Cán bộ, công chức quy hoạch		3	2023	2025	150.000.000	Trường Đại học Trà Vinh	
	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Cán bộ, công chức quy hoạch		5	2023	2025	250.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	
	Điều hành cao cấp chính sách công	Cán bộ, công chức quy hoạch		1	2024	2026	50.000.000	Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh mở tại Phân hiệu Vĩnh Long	
	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Cán bộ, công chức quy hoạch		5	2024	2026	250.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	
	Quản lý Kinh tế	Cán bộ, công chức quy hoạch		1	2024	2026	50.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	
	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch		7	2025	2027	350.000.000	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở tại Học viện chính trị khu vực IV	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Cơ sở đào tạo, đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
II	Lý luận chính trị		21	1.327			17.223.083.000		
1	Cao cấp lý luận chính trị		2	108			4.040.460.000		
	Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) K76.B03	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	2025	2027	1.905.630.000	Học viện Chính trị khu vực II mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
	Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) K76.B04	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	58	2025	2027	2.134.830.000	Học viện Chính trị khu vực II mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2	Trung cấp lý luận chính trị		19	1.219			13.182.623.000		
2,1	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A98-Công an tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	2025	2026	Kinh phí tự túc	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,2	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A99- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	49	2025	2026	37.520.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,3	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A100-mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	49	2025	2026	71.860.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,4	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A101- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	49	2025	2026	95.640.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,5	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A102-Công an tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	2025	2026	561.050.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,6	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B183-mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,7	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B184-Công an tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,8	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B185-mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,9	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B186-mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Cơ sở đào tạo, đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
2,10	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B187- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,11	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B188- Cụm An Biên	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	76	2025	2026	2.253.000.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,12	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B189- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	52	2025	2026	120.900.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,13	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B190- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	2025	2026	486.580.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,14	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B191- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	2025	2026	486.580.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,15	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B192- mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	53	2025	2026	486.580.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,16	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B193-Cụm xã Giồng Riềng	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	65	2025	2026	2.105.048.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,17	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B194-Cụm xã Hòn Đất	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	2.164.000.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,18	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B195- mở tại Đặc khu Phú Quốc	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	66	2025	2026	2.139.995.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
2,19	Trung cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) B196- Công an tỉnh (mở tại Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	80	2025	2026	1.569.370.000	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	
Tổng cộng (I+II)			21	1.365			19.483.083.000		

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC VÀ KINH PHÍ
CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN TIẾP TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CỦA KHỐI NHÀ NƯỚC
VÀ KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (QUÂN SỰ, BIÊN PHÒNG)
(kèm theo Kế hoạch số 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Số TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
I	SAU ĐẠI HỌC			448			23.780.000.000		
1	Sự nghiệp Y tế			324			17.070.000.000		
1,1	Thạc sĩ			53			2.650.000.000		
	Thạc sĩ	Công chức, viên chức		7	2024	2026	350.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Thạc sĩ	Công chức, viên chức		46	2025	2027	2.300.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
1,2	Chuyên khoa I			242			12.100.000.000		
	Chuyên khoa cấp I	Công chức, viên chức		90	2024	2026	4.500.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Chuyên khoa cấp I	Công chức, viên chức		152	2025	2027	7.600.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
1,3	Chuyên khoa II			29			2.320.000.000		
	Chuyên khoa cấp II	Công chức, viên chức		13	2024	2026	1.040.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Chuyên khoa cấp II	Công chức, viên chức		16	2025	2027	1.280.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	

Số TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo			92			4.990.000.000		
2,1	Tiến sĩ			13			1.040.000.000		
	Tiến sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		4	2023	2026	320.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		3	2023	2027	240.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		4	2024	2027	320.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		1	2024	2028	80.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		1	2025	2028	80.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
2,2	Thạc sĩ			79			3.950.000.000		
	Thạc sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		3	2023	2026	150.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Thạc sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		41	2024	2026	2.050.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Thạc sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		4	2024	2027	200.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Thạc sĩ	Viên chức các cơ sở giáo dục		31	2025	2027	1.550.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
3	Cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu			32			1.720.000.000		

Số TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
3,1	Tiến sĩ			4			320.000.000		
	Tiến sĩ	Cán bộ, công chức, viên chức		2	2023	2026	160.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Cán bộ, công chức, viên chức		1	2024	2027	80.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Tiến sĩ	Cán bộ, công chức, viên chức		1	2025	2028	80.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
3,2	Thạc sĩ			28			1.400.000.000		
	Thạc sĩ	Cán bộ, công chức, viên chức		20	2024	2026	1.000.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
	Thạc sĩ	Cán bộ, công chức, viên chức		8	2025	2027	400.000.000	Các cơ sở đào tạo trong nước	
II	BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ			507			7.672.400.000		
1	Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng			123			1.401.900.000		
1,1	Bồi dưỡng dài hạn Chuyên nghiệp Quân sự; kỹ thuật hải quân; vũ khí bộ binh	Quân nhân chuyên nghiệp, Hạ sĩ quan binh sĩ		49	9/2024	7/2026	445.900.000	Học viện Biên phòng, Trường Cao đẳng Biên phòng; Trung cấp 24 Biên phòng; Cao đẳng kỹ thuật Hải quân; Sĩ quan Kỹ thuật quân sự, mật mã	
1,2	Bồi dưỡng dài hạn cán bộ cấp trung đoàn	Sĩ quan		2	9/2025	8/2027	41.600.000	Học viện Chính trị, Học viện Biên phòng, Học viện Khoa học Quân sự	

Số TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
1,3	Bồi dưỡng ngắn hạn Cán bộ cấp trung đoàn	Sĩ quan		9	9/2025	8/2026	138.600.000	Học viện Biên phòng; Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện khoa học Quân sự	
1,4	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ lý luận Chính trị	Sĩ quan		3	8/2025	6/2026	40.800.000	Học viện Biên phòng, Học viện Lục quân, Trường Sĩ quan trong Quân đội	
1,5	Bồi dưỡng Tiếng Campuchia	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp		5	9/2025	8/2026	86.000.000	Trường Cao đẳng Biên phòng	
1,6	Bồi dưỡng Tiếng Anh	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp		2	10/2025	5/2026	23.600.000	Trường Sĩ quan Thông tin, Đại học Cần Thơ, Trà Vinh	
1,7	Bồi dưỡng dài hạn Chuyên nghiệp Quân sự; kỹ thuật hải quân; vũ khí bộ binh	Quân nhân chuyên nghiệp, Hạ sĩ quan binh sĩ		53	9/2025	7/2027	625.400.000	Học viện Biên phòng, Trường Cao đẳng Biên phòng; Trung cấp 24 Biên phòng; Cao đẳng kỹ thuật Hải quân; Sĩ quan Kỹ thuật quân sự, mật mã	
2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			384			6.270.500.000		
2,1	Bồi dưỡng Chuyên nghiệp quân sự	Hạ sĩ quan, binh sĩ		12	9/2024	8/2026	213.600.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
2,2	Bồi dưỡng dài hạn cấp trung đoàn, sư đoàn ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Sĩ quan		4	8/2025	7/2027	104.800.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	

Số TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Thời gian		Ước Kinh phí thực hiện (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Khai giảng	Bế giảng			
2,3	Bồi dưỡng ngắn, hoàn thiện cấp trung đoàn, sư đoàn ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Sĩ quan		17	8/2025	7/2026	266.900.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
2,4	Bồi dưỡng hoàn thiện Sĩ quan cấp phân đội công tác Tham mưu	Sĩ quan		1	8/2025	7/2026	15.200.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
2,5	Bồi dưỡng chuyên môn cấp phân đội chuyên ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Hạ sĩ quan, binh sĩ		350	7/2025	7/2026	5.670.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
	Tổng cộng (I+II)			955			31.452.400.000		

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ
DỰ KIẾN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê Quán	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ										
A- TIẾN SĨ													
1	Lê Hữu Lợi	15/01/1989		Kinh	Cù Lao Giêng, An Giang	2011	Thạc sĩ Triết học	Giảng viên Phòng Quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Phó Trưởng Khoa	Giảng viên	Đại học trở lên	Triết học	Đề đảm bảo trường đạt chuẩn
2	Lê Châu Mỹ Hoa		23/6/1992	Kinh	Tân Châu, An Giang	2015	Thạc sĩ Triết học	Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Phó Trưởng Khoa	Giảng viên	Đại học trở lên	Triết học	Đề đảm bảo trường đạt chuẩn
3	Bùi Thị Kim Chung		14/5/1980	Kinh	Vĩnh Xương, An Giang	2005	Thạc sĩ Kinh tế Chính trị	Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Phó Trưởng Khoa	Giảng viên	Đại học trở lên	Kinh tế Chính trị	Đề đảm bảo trường đạt chuẩn
4	Nguyễn Thanh Lam	24/12/1986		Kinh	Bình Mỹ, An Giang	2010	Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	Chuyên viên Phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Trưởng phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	
5	Phạm Thị Thu Trang		14/8/1986	Kinh	Vũ Thư, Hưng Yên	01/01/2011	Thạc sĩ Bảo vệ thực vật	Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân xã Tân hiệp	dự kiến quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân xã	Đại học trở lên	Bảo vệ thực vật	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê Quán	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ										
B- THẠC SĨ													
1	Nguyễn Việt Tiến	18/10/1976		Kinh	Mô Cày, Bến Tre	2002	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	Phó Giám đốc Báo và Phát thanh Truyền hình An Giang		Lãnh đạo, quản lý	Đại học trở lên	Thạc sĩ Báo chí	
2	Huỳnh Thị Mỹ Phương		16/4/1981	Kinh	Tân Thạnh, An Giang	2000	Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị, lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Phó Trưởng phòng	Đại học trở lên	Thạc sĩ Xây dựng Đảng, chính quyền Nhà nước	
3	Lê Thanh Tiền	01/5/1985		Kinh	Vĩnh Xương, An Giang	2009	Cử nhân Sư phạm Giáo dục công dân	Phó Trưởng phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản thuộc Ban Tuyên giáo và Ban Dân vận Tỉnh ủy	Phó Trưởng BTG và DV Tỉnh ủy	Phó Trưởng phòng	Đại học trở lên	Thạc sĩ Lịch sử Đảng	
4	Đặng Bửu Điền	14/02/1998		Kinh	Châu Phong, An Giang		Cử nhân Luật	Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Giảng viên	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	để đảm bảo trường đạt chuẩn
5	Nguyễn Thị Thùy Duyên		08/6/199	Kinh	Định Mỹ, An Giang		Cử nhân Luật	Giảng viên Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Giảng viên	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	để đảm bảo trường đạt chuẩn
6	Mai Hoài Thương	18/02/1991		Kinh	An Biên, An Giang	2016	CN Kế toán	Phó Ban Công tác Đoàn và Thanh Thiếu nhi, Tỉnh Đoàn	Trưởng ban	Phó Ban Công tác Đoàn và Thanh Thiếu nhi	Đại học trở lên	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
7	Nguyễn Hoàng Tú	01/11/1986		kinh	Bình Đức, An Giang	2011	CN Giáo dục chính trị	Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Công tác xã hội, Dân tộc và Tôn giáo, UBMTTQVN tỉnh	Trưởng ban	Chuyên viên	Đại học trở lên	Thạc sĩ Tôn giáo	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê Quán	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ										
8	Trần Tiến Sĩ	15/01/1986		Kinh	Thạnh Mỹ Tây, An Giang	2004	ĐH PTNN; ĐH Tài chính Doanh nghiệp	UVTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mỹ Đức	hiện đang giữ chức vụ UVTV Đảng ủy	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Đại học trở lên	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	
9	Huỳnh Hữu Chương	05/5/1985		Kinh	Tây Yên, An Giang	2007	Cử nhân Kinh tế	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Tây Yên	dự kiến quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã	Đại học trở lên	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	
10	Huỳnh Văn Thê	25/12/1988			An Biên - An Giang	2013	Kỹ sư Thủy sản	ĐUV, Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã kiêm Chủ tịch Hội Nông dân xã Tây Yên	dự kiến quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã kiêm Chủ tịch Hội Nông dân xã	Đại học trở lên	Thạc sĩ Thủy sản	

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH MỤC VÀ KINH PHÍ
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
I.	Đào tạo chuyên môn			15							900.000.000	
1	Tiến sĩ			5							400.000.000	
	Triết học	Giảng viên Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		2	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng đề nghị	Chính quy	3-4 năm	2026	160.000.000	
	Kinh tế Chính trị	Giảng viên Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng đề nghị	Chính quy	3-4 năm	2026	80.000.000	
	Chuyên ngành Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Công chức Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đề nghị	Chính quy	3-4 năm	2026	80.000.000	
	Bảo vệ thực vật	Công chức được quy hoạch UVTV Đảng ủy cấp xã (xã Tân Hiệp)		1	Đại học Cần Thơ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy xã Tân Hiệp đề nghị	Chính quy	3-4 năm	2026	80.000.000	
2	Thạc sĩ			10							500.000.000	
	Báo chí	Viên chức lãnh đạo (Phó Giám đốc Báo và Phát thanh Truyền hình An Giang)		1	Các Học viện chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Báo và Phát thanh Truyền hình An Giang đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Quản lý Kinh tế	Lãnh đạo cấp phòng thuộc Tỉnh đoàn		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Quản lý Kinh tế	UVTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mỹ Đức		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy xã Mỹ Đức đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Chuyên ngành Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	Lãnh đạo cấp phòng thuộc Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Lịch sử Đảng	nt		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Luật	Giảng viên Trường Chính trị Tôn Đức Thắng (để đảm bảo Trường đạt chuẩn)		2	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Chính quy	2 năm	2026	100.000.000	
	Tôn giáo	Công chức được quy hoạch Trường phòng cấp tỉnh (UBMTTQVN tỉnh)		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Kinh tế chính trị	Công chức được quy hoạch UVTV Đảng ủy cấp xã (xã Tây Yên)		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy xã Tây Yên đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	
	Thủy sản	Công chức được quy hoạch UVTV Đảng ủy cấp xã (xã Tây Yên)		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy xã Tây Yên đề nghị	Chính quy	2 năm	2026	50.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
II	Lý luận Chính trị		16	737							15.505.960.000	
1	Cao cấp lý luận chính trị		4	217							8.006.600.000	
1,1	Cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo		7	Học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ tập trung	8 tháng	2026	245.000.000	
1,2	Cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	45	Học tại Học viện Chính trị khu vực IV	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ tập trung	8 tháng	2026	1.136.000.000	
1,3	Cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	45	Học tại Học viện Chính trị khu vực IV	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ tập trung	8 tháng	2027	1.136.000.000	
1,4	Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	60	Học viện Chính trị khu vực IV mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ không tập trung	18 tháng	2026	2.744.800.000	
1,5	Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	60	Học viện Chính trị khu vực IV mở tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ không tập trung	18 tháng	2026	2.744.800.000	
2	Trung cấp lý luận chính trị		12	520							7.499.360.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
2,1	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A103	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	30	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ tập trung	8 tháng	2026	485.640.000	
2,2	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A104	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	30	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	8 tháng	2026	485.640.000	
2,3	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A105	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	30	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	8 tháng	2026	485.640.000	
2,4	Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) A106	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	30	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	8 tháng	2026	485.640.000	
2,5	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B197	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Hệ không tập trung	18 tháng	2026	694.600.000	
2,6	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B198	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000	
2,7	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B199	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000	
2,8	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B200	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú	
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng			
2,9	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B201	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000		
2,10	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B202	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000		
2,11	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B203	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000		
2,12	Trung cấp lý luận chính trị (không tập trung) B204	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo hoặc quy hoạch lãnh đạo	1	50	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng		Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	nt	18 tháng	2026	694.600.000		
III	Bồi dưỡng		18	2.618							4.445.000.000		
1	Bồi dưỡng nước ngoài										240.000.000		
	Bồi dưỡng nước ngoài theo Kết luận số 39-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và bồi dưỡng theo chuyên đề	Cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Tỉnh ủy quản lý hoặc cán bộ quy hoạch		theo chỉ tiêu Ban Tổ chức Trung ương giao (dự kiến khoản 08 chỉ tiêu)	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Hệ tập trung			Theo thông báo Ban Tổ chức Trung ương	240.000.000	
2	Các lớp bồi dưỡng ngoài tỉnh			40							600.000.000		

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
2,1	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 1	UVBTV Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Đại biểu Quốc hội:.....		4	Học viện Quốc phòng	Ban Tổ chức Trung ương	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Theo thông báo Ban Tổ chức Trung ương		120.000.000	
2,2	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2	Cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Tỉnh ủy quản lý		30	Trường Quân sự Quân khu 9	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Theo thông báo của Trường Quân sự Quân khu 9		300.000.000	
2,3	Bồi dưỡng chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng, Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh và tương đương	Lãnh đạo Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng, Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh		6	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Theo thông báo của Học viện		180.000.000	
3	Các lớp bồi dưỡng trong tỉnh		18	2.578							3.605.000.000	
3,1	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng (Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024)	Cán bộ lãnh đạo, quản lý sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Cán bộ chủ chốt cấp xã	2	160	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian 07 ngày/01 lớp		1.600.000.000	
3,2	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng (Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024)	Lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc sở, ban ngành, UBMTTQVN và các đoàn thể chính-xã hội cấp tỉnh	2	160	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian 07 ngày		140.000.000	
3,3	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng (Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024)	Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ các Đảng ủy xã, phường, Đặc khu quản lý	2	160	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian 07 ngày		156.000.000	
3,4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy xã, phường, đặc khu	Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, đặc khu	2	160	Học viện Chính trị khu vực IV	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		320.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
3,5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho Lãnh đạo Ban xây dựng Đảng	Lãnh đạo Ban Tổ chức Đảng ủy các Đặc khu; Lãnh đạo Ban xây dựng Đảng các xã, phường	1	102	Học viện Chính trị khu vực IV	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	204.000.000		
3,6	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Tổ chức xây dựng Đảng	Lãnh đạo, chuyên viên Ban Tổ chức các Đảng ủy, ban xây dựng Đảng cấp xã. Đại diện Thường trực cấp ủy cấp xã tham dự	1	550	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Trực tuyến và trực tiếp	Quý II/2026 Dự kiến 01 ngày	30.000.000		
3,7	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên Trung tâm chính trị	Giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị các xã, phường, đặc khu	1	78	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng phối hợp tổ chức	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Trực tuyến	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 tuần	200.000.000		
3,8	Bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác Mặt trận	Lãnh đạo MTTQ Việt Nam cấp xã	1	102	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ủy ban MTTQVN phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	120.000.000		
3,9	Bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng	Cán bộ, công chức Mặt trận, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cấp xã	1	140	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ủy ban MTTQVN phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	210.000.000		
3,10	Bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác nông vận	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã, phường, đặc khu	1	204	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Hội Nông dân tỉnh phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	120.000.000		
3,11	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác Phụ nữ	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội LHPN xã, phường, đặc khu	1	210	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	120.000.000		



TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì, tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
3,12	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ Công tác Đoàn, Hội, Đội	Cán bộ Đoàn, Hội, Đội cơ sở	1	250	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Tỉnh đoàn phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	130.000.000		
3,13	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ Công tác Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	Cán bộ phụ trách đội cơ sở	1	200	Tỉnh đoàn tổ chức và phối hợp Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tổ chức	Tỉnh đoàn phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	130.000.000		
3,14	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội Cựu Chiến binh	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh cấp xã, phường, đặc khu	1	102	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Hội Cựu Chiến binh phối hợp tổ chức	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	125.000.000		
Tổng cộng (I+II+III)			34	3.370						20.850.960.000		

PHỤ LỤC SỐ 05
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI NHÀ NƯỚC
DỰ KIẾN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ									
A-TIẾN SĨ												
I- Sở Tư pháp												
1	Nguyễn Văn Thơm	25/5/1978		Kinh	2000	Thạc sĩ Luật	Phó trưởng phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật, Sở Tư Pháp	Giám đốc, Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính về xây dựng pháp luật	Đại học trở lên	Tiến sĩ Luật	
2	Đặng Thị Tố Trinh		15/7/1975	Kinh	2001	Thạc sĩ Luật	Phó Trưởng phòng Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật, Sở Tư Pháp	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính về theo dõi thi hành pháp luật	Đại học trở lên	Tiến sĩ Luật	
II- Sở Khoa học và Công nghệ												
1	Huỳnh Phước Thái	13/5/1978		Kinh	2004	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số An Giang	Đại học trở lên	Tiến sĩ Công nghệ thông tin	
III- Sở Nông nghiệp và Môi trường												
1	Ngô Văn Lâm	16-12-1986		Kinh		Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp/Thạc sĩ Phát triển nông thôn	Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phó Giám đốc Sở	Đại học trở lên	Tiến sĩ Kinh tế Nông nghiệp/ Phát triển nông thôn	
2	Nguyễn Phước Đạt	30-10-1987		Kinh		Thạc sĩ Quản lý đất đai	Quyền Chi Cục trưởng Chi Cục Quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai An Giang	Chi Cục trưởng	Đại học trở lên	Quản lý đất đai	
IV- Sở Y tế												
1-Tiến sĩ												
1	Phùng Hùng Cường	29-06-1973		Kinh	2001	BS.CKII Quản lý Y tế	Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Sở Y tế	Phó Giám đốc Sở Y tế	Chánh Văn phòng	Đại học trở lên	Tiến sĩ Y tế công cộng	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ									
2	Nguyễn Hữu Viên	19-08-1979		Kinh	2019	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế		Trưởng phòng	Đại học trở lên	Tiến sĩ Kinh tế	
3	Trần Thành Trung	16/9/1982		Kinh	2008	Được sĩ CK II ngành tổ chức quản lý Dược	Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Sở Y tế	Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm thuộc Sở Y tế	Phó Chánh Văn phòng	Đại học trở lên	Tiến sĩ Tổ chức quản lý Dược	

2- Chuyên khoa cấp II

1	Nguyễn Thanh Phong	1981		Kinh		Thạc sĩ điều dưỡng	Trưởng phòng, Phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Y tế		Trưởng phòng	Đại học trở lên	Quản lý y tế	
2	Phan Minh Thu		04/12/1992	Kinh	2018	Chuyên khoa cấp I - Y học gia đình	Công chức, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Chuyên viên kế hoạch đầu tư	Đại học trở lên	Quản lý y tế	
3	Nguyễn Quốc Khánh	01/9/1987		Kinh	2014	Chuyên khoa cấp I Răng Hàm Mặt	Công chức, Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Y	Chuyên viên	Tốt nghiệp đại học trở lên nhóm ngành Sức khỏe	Quản lý y tế	
4	Nguyễn Thiện Đức	12/04/1979		Kinh	2009	Đại học Dược, Chuyên khoa cấp I - Dược lý và dược lâm sàng	Phó Trưởng phòng, Phòng Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế	Trưởng phòng, Phòng Nghiệp vụ Dược	Phó Trưởng phòng	Được sĩ Đại học trở lên	Dược lý và dược lâm sàng	
5	Đào Hoàng Anh	15/3/1987		Kinh	2009	Chuyên khoa cấp I - Dược lý và dược lâm sàng	Công chức, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Chuyên viên thống kê	Đại học trở lên	Dược lý và dược lâm sàng	

B- THẠC SĨ**I- Sở Tư pháp**

1	Nguyễn Thị Hằng		22/3/1988	Kinh	2010	Cử nhân Luật	Phó Trưởng phòng Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật, Sở Tư pháp	Phó Giám đốc Sở Tư pháp	Chuyên viên chính về xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	
2	Bùi Thị Phương Thảo		14/3/1994	Kinh	2017	Cử nhân Luật	Chuyên viên Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật, Sở Tư pháp	Trưởng phòng	Chuyên viên về xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	
3	Huỳnh Thị Trâm		06/9/1993	Kinh	2017	Cử nhân Luật	Chuyên viên Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật, Sở Tư pháp	Trưởng phòng	Chuyên viên về xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ									
II- Sở Nông nghiệp và Môi trường												
1	Ngô Phước Lợi	30/7/1982		Kinh		Đại học Tin học	Phó Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chánh Văn phòng	Phó Chánh Văn phòng	Đại học trở lên	Quản lý Tài nguyên môi trường	
III- Sở Y tế												
1	Vũ Mạnh Thắng	26-01-1984		Kinh	2010	Đại học Tin học	Phó Trưởng phòng, Phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Y Tế	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính phòng Công nghệ thông tin	Đại học trở lên	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	
2	Phạm Ngọc Anh	08/7/1982		Kinh	2020	Kỹ sư Tin học	Công chức Văn phòng Sở Y Tế	Chánh Văn phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên	Thạc sĩ Quản lý Y tế	
IV- Văn phòng UBND tỉnh												
1	Võ Thị Tú Trinh		12/3/1985	Kinh	2009	Cử nhân Luật	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng UBND tỉnh	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Phó Trưởng phòng	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	
V- Sở Nội vụ												
1	Lê Hoàng Duy	21/7/1989		Kinh	2009	Cử nhân CNTT; Cử nhân Quản lý nhà nước	Phó Chánh Văn phòng, Sở Nội vụ	Dự kiến quy hoạch Chánh Văn phòng	Phó Chánh Văn phòng	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	
VI- Sở Văn hóa và Thể thao												
1	Tạ Thị Hường Nhan		12/6/1989	Kinh	2012	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Đại học Báo chí	Chuyên viên Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Văn hóa và Thể thao	Trưởng phòng	Chuyên viên, Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Đại học trở lên	Thạc sĩ báo chí	
VII- Sở Khoa học và Công nghệ												
1	Phạm Công Gion	06/3/1989		Kinh	2017	Kỹ sư Khoa học Máy tính	Chuyên viên, Phòng Chuyển đổi số, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	Trưởng phòng	Chuyên viên, Phòng Chuyển đổi số	Đại học trở lên	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	
VIII- Trung tâm xúc tiến Đầu tư- Thương mại và Du lịch												

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Vị trí việc làm	Yêu cầu trình độ trong Đề án vị trí việc làm (ghi rõ chuyên ngành và nhóm ngành)	Chuyên ngành đăng ký đào tạo	Ghi chú
		Nam	Nữ									
1	Lê Thượng Chánh	10/8/1985		Kinh	2009	Kỹ sư Công nghệ chế biến thủy sản; Cử nhân Quản trị kinh doanh	Phó Trưởng phòng Xúc tiến Du lịch, Trung tâm xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh	Phó giám đốc Trung tâm xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh	Phó Trưởng phòng Xúc tiến Du lịch	Đại học trở lên	Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	
IX- Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo												
1	Phạm Văn Tùng	20/12/1994		Kinh	2017	Đại học Khảo cổ học	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ và Bảo tàng, Ban Quản lý di tích văn hóa Óc Eo	Trưởng phòng Nghiệp vụ và Bảo tàng, Ban Quản lý Di tích văn hóa Óc Eo	Viên chức	Di sản viên hạng II	Thạc sĩ Quản lý Văn hóa	
X- Xã, phường, đặc khu												
1	Nguyễn Huỳnh Hải Hưng	23/4/1989		Kinh	2020	Kỹ sư điện	ĐUV, Phó Chủ tịch UBND xã Sơn Hải	Dự kiến quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng	Phó Chủ tịch UBND xã	Đại học trở lên	Thạc sĩ Luật	
2	Đào Thị Bích Huyền	15/3/1982		Kinh	2004	Đại học Văn hóa	ĐUV, Phó Chủ tịch UBND xã Thoại Sơn	Dự kiến quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng xã	Phó Chủ tịch UBND xã	Đại học trở lên	Thạc sĩ Quản lý Văn hóa	

PHỤ LỤC SỐ 06

DANH MỤC VÀ KINH PHÍ

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(kèm theo Kế hoạch 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
I	SAU ĐẠI HỌC			522							29.670.000.000	
1	Cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành và UBND cấp xã			17							1.000.000.000	
1.1	Tiến sĩ			5							400.000.000	
	Luật	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp		2	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	160.000.000	
	Công nghệ Thông tin	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở khoa - học và Công nghệ		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở khoa- học và Công nghệ	nt	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Kinh tế Nông nghiệp/ Phát triển nông thôn	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	nt	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Quản lý đất đai	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	nt	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
1.3	Thạc sĩ			12							600.000.000	
	Luật	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, VP UBND tỉnh, UBND xã Sơn Hải		6	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	300.000.000	
	Quản lý Tài nguyên môi trường	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Báo chí	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở Văn hóa và Thể thao		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở Văn hóa và Thể thao	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Công nghệ Thông tin	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Sở khoa- học và Công nghệ		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Sở khoa- học và Công nghệ	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Quản lý Văn hóa	Cán bộ, công chức, viên chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo; UBND xã Thoại Sơn		2	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo; UBND xã Thoại Sơn	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Cán bộ, công chức được quy hoạch từ trường phòng và tương đương thuộc Trung tâm xúc tiến Đầu tư- Thương mại và Du lịch		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Nội vụ	Trung tâm xúc tiến Đầu tư- Thương mại và Du lịch	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo			99							5.160.000.000	
2.1	Tiến sĩ (ngành, nhóm ngành)			7							560.000.000	
	Nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		3	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	
	Nhóm ngành Toán học	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		3	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	
	Nhóm ngành khoa học tự nhiên	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		1	Các Học viện Chính trị, Trường Đại học trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
2.2	Thạc sĩ (ngành, nhóm ngành)			92							4.600.000.000	
	Nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		68	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	3.400.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Nhóm ngành nhân văn	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		6	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	300.000.000	
	Nhóm ngành máy tính và công nghệ	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		7	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	350.000.000	
	Nhóm ngành khoa học tự nhiên	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		4	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	200.000.000	
	Nhóm ngành khoa học sự sống	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	250.000.000	
	Nhóm ngành kỹ thuật	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Nhóm ngành kinh doanh và quản lý	Viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDNN		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
3	Sự nghiệp Y tế			406							23.510.000.000	
3.1	Tiến sĩ (ngành, nhóm ngành)			21							1.680.000.000	
	Y tế công cộng	Công chức Sở Y tế; Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Kinh tế	Công chức Sở Y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Quản lý Điều dưỡng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	
	Dược/Dược học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	160.000.000	
	Quản lý Bệnh viện	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Nội Khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		8	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	640.000.000	
	Khoa học Y sinh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo		3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
3.2	Thạc sĩ (ngành, nhóm ngành)			103							5.150.000.000	
	Nội và Nội Khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		8	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	400.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Công nghệ thông tin	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Công nghệ thực phẩm	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Công tác xã hội	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Chấn thương chỉnh hình	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Chính sách công	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Dinh dưỡng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Kinh tế	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Kỹ thuật hình ảnh y học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Điều dưỡng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		46	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	2.300.000.000	
	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	



TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Khoa học máy tính	Công chức Sở Y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Luật và Luật kinh tế	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	150.000.000	
	Quản lý Bệnh viện	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Quản lý công	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	250.000.000	
	Quản lý Y tế	Công chức Sở Y tế; Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		12	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	600.000.000	
	Tâm Thần	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Y tế công cộng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		8	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	400.000.000	
	Y học dự phòng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	150.000.000	
	Triết	Giảng viên Trường Cao đẳng Y Tế Kiên Giang		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
3.3	Chuyên khoa cấp II (ngành, nhóm ngành)			86							6.880.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Ung thư	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Chẩn đoán hình ảnh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		4	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	320.000.000	
	Gây mê hồi sức	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		4	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	320.000.000	
	Nhi Khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Nội tổng quát/ Nội tiết/ Nội khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		12	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	960.000.000	
	Dược lý và dược lâm sàng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	
	Ngoại khoa/ Ngoại/ Ngoại Tổng quát	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		14	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	1.120.000.000	
	Răng Hàm Mặt	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	160.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Tai Mũi Họng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	160.000.000	
	Thần kinh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	80.000.000	
	Sản phụ khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	400.000.000	
	Truyền nhiễm	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	240.000.000	
	Xét nghiệm	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	160.000.000	
	Y học dự phòng/Y học cổ truyền/ Y học gia đình	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		6	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	480.000.000	
	Tổ chức Quản lý Dược	Công chức Sở Y tế; Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	400.000.000	
	Quản lý Y tế	Công chức Sở Y tế; Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		21	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3-4 năm	Năm 2026	1.680.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
3.4	Chuyên khoa cấp I (ngành, nhóm ngành)			196							9.800.000.000	
	Gây mê hồi sức	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		8	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	400.000.000	
	Chẩn đoán hình ảnh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		11	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	550.000.000	
	Da liễu	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Chấn thương chỉnh hình	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Điều dưỡng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		22	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	1.100.000.000	
	Dược lý và dược lâm sàng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		12	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	600.000.000	
	Giải phẫu bệnh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Hộ sinh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		6	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	300.000.000	
	Hồi sức cấp cứu	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		10	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	500.000.000	
	Huyết học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3 năm	Năm 2027	50.000.000	
	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		10	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	4 năm	Năm 2028	500.000.000	
	Lao và bệnh phổi	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	150.000.000	
	Nhãn khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		3	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	150.000.000	
	Nhi Khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		9	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	450.000.000	
	Nhóm ngành Ngoại khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		9	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	450.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Nhóm ngành Nội khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		36	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	1.800.000.000	
	Phục hồi chức năng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	100.000.000	
	Răng Hàm Mặt	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Sản phụ khoa	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		6	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	300.000.000	
	Tai Mũi Họng	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	250.000.000	
	Thần kinh	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Tổ chức Quản lý Dược	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	250.000.000	
	Truyền nhiễm/ Truyền nhiễm bệnh học nhiệt đới	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		5	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	250.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
	Ung thư	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	50.000.000	
	Y học dự phòng/Y học cổ truyền/ Y học gia đình/ Y học hạt nhân	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		23	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	2 năm	Năm 2026	1.150.000.000	
	Tâm Thần	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		1	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	3 năm	Năm 2027	50.000.000	
	Kỹ Thuật hình ảnh y học	Viên chức các đơn vị sự nghiệp, cơ sở y tế		2	Các cơ sở đào tạo trong nước	Sở Y tế	Các đơn vị có cán bộ tham gia đào tạo	Chính quy	4 năm	Năm 2028	100.000.000	
II	BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ		57	4.508							13.069.180.000	
1	Bồi dưỡng nước ngoài		1	60							6.200.000.000	
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý	Cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	1	60	Học viện Chính trị khu vực II	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan; các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II hoặc Quý III/2026, thời gian cụ thể nêu trong kế hoạch thực		6.200.000.000	
2	Sở Nội vụ		33	#####							5.127.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
2.1	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương	Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ hoặc được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp sở và tương đương	1	50	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan; các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian 4 tuần/1 lớp	490.000.000		
2.2	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng ở cấp sở và tương đương	Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ hoặc được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp phòng ở sở và tương đương	2	120	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan; các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian 4 tuần/1 lớp	900.000.000		
2.3	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng ở cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ hoặc được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp phòng ở xã và tương đương	4	280	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan; các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian 4 tuần/1 lớp	823.000.000		
2.4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã	3	230	Học viện Chính trị khu vực IV	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan; các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	460.000.000		
2.5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND cấp tỉnh	Đại biểu HĐND tỉnh	1	85	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Sở Nội vụ	Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh; Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày	425.000.000		

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
2.6	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND cấp xã	Đại biểu HĐND tỉnh	22	#####	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tổ chức	Sở Nội vụ	Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh; Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý II hoặc Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		2.029.000.000	
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang		5	280							600.000.000	
3.1	Bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non	Giáo viên Trường Mầm non	1	100	Trường CĐSP Kiên Giang tổ chức và phối hợp tổ chức	Trường CĐSP Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Dự kiến thời gian 1,5 tháng/lớp		72.000.000	
3.2	Bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học	Giáo viên Trường Tiểu học	1	50	Trường CĐSP Kiên Giang tổ chức và phối hợp tổ chức	Trường CĐSP Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý III/2026 Dự kiến thời gian 1,5 tháng/lớp		72.000.000	
3.3	Bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS	Giáo viên Trường THCS	1	50	Trường CĐSP Kiên Giang tổ chức và phối hợp tổ chức	Trường CĐSP Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý III/2026 Dự kiến thời gian 1,5 tháng/lớp		72.000.000	
3.4	Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý giáo dục cho cán bộ quản lý Trường Mầm non	Cán bộ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Trường Mầm non	1	40	Trường CĐSP Kiên Giang tổ chức và phối hợp tổ chức	Trường CĐSP Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý III/2026 Dự kiến thời gian 1,5 tháng/lớp		192.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
3.5	Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý giáo dục cho cán bộ quản lý trường tiểu học, THCS, THPT	Cán bộ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Trường Tiểu học, THCS, THPT	1	40	Trường CĐSP Kiên Giang tổ chức và phối hợp tổ chức	Trường CĐSP Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý III/2026 Dự kiến thời gian 1,5 tháng/lớp		192.000.000	
4	Trường Cao đẳng Kiên Giang		2	90							100.000.000	
	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực, kỹ năng dạy thực hành, thực tập và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cho nhà giáo	Giảng viên chuyên ngành khối kỹ thuật; Giảng viên ngành khối kinh tế, du lịch, nông nghiệp, ngoại ngữ	2	90	Trường Cao đẳng Kiên Giang phối hợp tổ chức	Trường CĐ Kiên Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý III/2026 Thời gian từ 5-7 ngày/1 lớp		100.000.000	
5	Sở Khoa học và Công nghệ		14	560							873.000.000	
5.1	Bồi dưỡng kỹ năng số theo Khung Kỹ năng số cơ bản (cấp tỉnh)	Cán bộ, công chức, viên chức Sở, ban, ngành tỉnh	2	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Chuyên đổi số An Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 02 ngày/1lớp		78.000.000	
5.2	Bồi dưỡng kỹ năng số theo Khung Kỹ năng số cơ bản (cấp xã, phường, đặc khu)	Cán bộ, công chức, viên chức xã, phường, đặc khu	7	280	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Chuyên đổi số An Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý II , III/2026 Thời gian từ 02 ngày/ lớp		465.000.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
5.3	Tập huấn thông tin cho Đoàn thể chính trị - xã hội về chính phủ số, kinh tế số, công dân điện tử	Cán bộ Đoàn thể chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu	5	200	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Chuyển đổi số An Giang	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý II , III/2026 Thời gian từ 02 ngày/ lớp		330.000.000	
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo		2	306							169.180.000	
	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh	Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực tiếp làm công tác tín ngưỡng tôn giáo cấp tỉnh và cấp xã.	2	306	Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	nt	Quý III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		169.180.000	
III	TẬP HUẤN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ		25	3.753							3.415.802.000	
1	Sở Nội vụ		11	1.270							1.374.632.000	
1.1	Tập huấn nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ	Công chức, viên chức cấp tỉnh, xã	3	300	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước	Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức theo quy định Luật đấu thầu	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		254.500.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
1.2	Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về thanh niên trên địa bàn tỉnh	Công chức, viên chức phụ trách công tác thanh niên; công chức, viên chức là thanh niên	2	250	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước	Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức theo quy định Luật đấu thầu	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		220.132.000	
1.3	Tập huấn Cải cách hành chính	Lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC các sở, ngành và UBND cấp xã	4	480	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước	Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức theo quy định Luật đấu thầu	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		600.000.000	
1.4	Tập huấn Văn hóa công vụ	Công chức, viên chức Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	2	240	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước	Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức theo quy định Luật đấu thầu	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		300.000.000	
2	Sở Tư pháp		6	1.404							392.820.000	
2.1	Tập huấn nghiệp vụ về chứng thực cho cán bộ, công chức cấp xã	Cán bộ, công chức cấp xã	1	102	Sở Tư pháp tổ chức và phối hợp tổ chức	Sở Tư pháp	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		11.560.000	
2.2	Tập huấn nghiệp vụ về hộ tịch, quốc tịch cho công chức cấp xã	Công chức cấp xã	1	102	Sở Tư pháp tổ chức và phối hợp tổ chức	Sở Tư pháp	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II , III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		194.660.000	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
2.3	Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức là báo cáo viên cấp tỉnh	2	600	Sở Tư pháp tổ chức và phối hợp tổ chức	Sở Tư pháp	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		66.800.000	
2.4	Bồi dưỡng, tập huấn công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Công chức, viên chức cấp tỉnh, xã	1	300	Sở Tư pháp tổ chức và phối hợp tổ chức	Sở Tư pháp	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		48.000.000	
2.5	Tập huấn công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (lồng ghép tập huấn công tác pháp chế)	Công chức, viên chức cấp tỉnh, xã	1	300	Sở Tư pháp tổ chức và phối hợp tổ chức	Sở Tư pháp	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian từ 2-3 ngày		71.800.000	
3	Thanh tra tỉnh		3	579							1.447.500.000	
3.1	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thanh tra	Công chức Thanh tra tỉnh	1	189	Trường Cán bộ Thanh tra Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Trực tiếp	Quý II/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		472.500.000	
3.2	Tập huấn, hướng dẫn về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh dành cho lãnh đạo các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	Lãnh đạo các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	1	130	Trường Cán bộ Thanh tra Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Trực tiếp	Quý II/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		325.000.000	nt

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Cơ sở; cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan, đơn vị tham mưu tổ chức ĐT, BD	Đơn vị phối hợp (hoặc đề nghị)	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian		Tổng số kinh phí ước thực hiện	Ghi chú
									Thời gian ĐT, BD	Thời gian khai giảng		
3.3	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh dành cho công chức các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	Công chức các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	1	260	Trường Cán bộ Thanh tra Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Trực tiếp	Quý II/2026 Thời gian từ 3-5 ngày		650.000.000	nt
4	Sở Du lịch		5	500							200.850.000	
4,1	Lớp cập nhật kiến thức đối ngoại (phổ biến Nghị quyết 59- NQ/TW và đào tạo kỹ năng đối ngoại)	Cán bộ, công chức, viên chức Sở, ban, ngành tỉnh; các xã, phường, đặc khu	2	200	Sở Du lịch tổ chức	Sở Du lịch	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian 02 ngày/01 lớp		135.850.000	
4,2	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật du lịch, đối ngoại tại các phường, xã, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Công chức, viên chức các xã, phường, đặc khu	3	300	Sở Du lịch tổ chức	Sở Du lịch	Các đơn vị có cán bộ tham gia bồi dưỡng	Tập trung	Quý II, III/2026 Thời gian 01 ngày/01 lớp		65.000.000	
	Tổng cộng (I+II+III)		82	8.783							46.154.982.000	

PHỤ LỤC SỐ 07
DANH MỤC VÀ KINH PHÍ
BỒI DƯỠNG KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (CÔNG AN, QUÂN SỰ, BIÊN PHÒNG) NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch 94-KH/TU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
I	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		1	448						4.616.040.000		
1	Bồi dưỡng thi tuyển sinh quân sự vào các trường trong quân đội	Hạ sĩ quan, binh sĩ	1	50				5/2026	7/2026	176.640.000	Phối hợp các Trường THPT trên địa bàn	
2	Bồi dưỡng dài hạn cấp trung đoàn, sư đoàn ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Sĩ quan		6				8/2026	02/2028	69.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
3	Bồi dưỡng ngắn hạn cấp trung đoàn, sư đoàn ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Sĩ quan		40				8/2026	6/2027	460.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
4	Bồi dưỡng chuyên môn cấp phân đội chuyên ngành Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật	Hạ sĩ quan, binh sĩ		230				8/2026	7/2030	2.760.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
5	Bồi dưỡng Quân sự địa phương, hòa khí đi cùng	Sĩ quan		4				3/2026	5/2026	26.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
6	Bồi dưỡng Chuyên nghiệp quân sự	Quân nhân chuyên nghiệp, Hạ sĩ quan, binh sĩ		20				8/2026	8/2027	230.000.000	Các Học viện, Nhà trường trong Quân đội	
7	Bồi dưỡng bổ túc cán bộ đại đội, tiểu đoàn, chuyên loại binh chủng và chính trị	Sĩ quan dự bị		86				7/2026		645.000.000	Trường Quân sự Quân khu 9	
8	Bồi dưỡng Sĩ quan dự bị từ Hạ Sĩ quan, cán bộ công chức và bác sĩ dân y	Hạ Sĩ quan, cán bộ công chức, bác sĩ dân y		7				3/2026	5/2026	156.660.000	Trường Quân sự Quân khu 9	
9	Bồi dưỡng Sĩ quan dự bị từ Hạ Sĩ quan dự bị 1	Hạ Sĩ quan dự bị 1		3				3/2026	5/2026	67.140.000	Trường Quân sự Quân khu 9	
10	Bồi dưỡng tiếng Khmer	Sĩ quan		2				3/2026	8/2026	25.600.000	Trường Quân sự Quân khu 9	
II	Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng			99						1.155.600.000		
1	Bồi dưỡng dài hạn Cán bộ cấp trung đoàn	Sĩ quan		1				09/2026	08/2028	10.000.000	Học viện Chính trị, Học viện Lục quân	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
2	Bồi dưỡng ngắn hạn Cán bộ cấp trung đoàn	Sĩ quan		5				09/2026	08/2027	50.000.000	Học viện Biên phòng; Học viện Chính trị, Học viện Lục quân và các Trường Quân đội	
3	Bồi dưỡng chỉ huy Đồn Biên phòng	Sĩ quan		1				09/2026	02/2027	11.800.000	Học viện Biên phòng	
4	Bồi dưỡng Chuyển loại cán bộ Biên phòng, Chính trị	Sĩ quan		17				09/2026	01/2027	200.600.000	Học viện Biên phòng	
5	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ lý luận Chính trị	Sĩ quan		15				08/2026	12/2027	204.000.000	Học viện Biên phòng, Lục quân, Trường Sĩ quan trọng Quân đội	
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ cửa khẩu, Trinh sát, phòng chống ma túy và tội phạm	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp		18				09/2026	01/2027	180.000.000	Học viện Biên phòng, Trường Cao đẳng Biên phòng	
7	Bồi dưỡng Tiếng Campuchia	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp		5				09/2026	09/2027	50.000.000	Trường Cao đẳng Biên phòng	
8	Bồi dưỡng Tiếng Anh	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp		11				09/2026	12/2027	149.600.000	Trường Sĩ quan Thông tin, Đại học Cần Thơ, Trà Vinh	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
9	Bồi dưỡng dài hạn Chuyên nghiệp Quân sự; kỹ thuật hải quân; vũ khí bộ binh	Quân nhân chuyên nghiệp, Hạ sĩ quan binh sĩ		15				09/2026	09/2028	150.000.000	Học viện Biên phòng, Trường Cao đẳng Biên phòng; Trung cấp 24 Biên phòng; Cao đẳng kỹ thuật Hải quân; Sĩ quan Kỹ thuật quân sự, mật mã	
10	Bồi dưỡng Sơ cấp Hàng hải, báo vụ; huấn luyện viên chó phát hiện ma túy	Quân nhân chuyên nghiệp, Hạ sĩ quan binh sĩ		11				06/2026	01/2027	149.600.000	Trường Cao đẳng Biên phòng; Trung cấp 24 Biên phòng	
III	Công an tỉnh		42	6.095						2.173.309.000		
1	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới, kiến thức nâng cao cho lãnh đạo, chỉ huy	Cán bộ ngành Công an		150				Năm 2026	08-15 ngày	200.000.000	Trong và ngoài ngành	
2	Bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ ngành Công an		450				Năm 2026	03-45 ngày	700.000.000	Trong và ngoài ngành	
3	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4	Cán bộ ngành Công an	2	200				Quý II- IV	05 ngày/lớp	50.300.000	Công an tỉnh	
4	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về an ninh trật tự tại địa bàn cơ sở	Cán bộ ngành Công an	3	360				Quý II- IV	10 ngày/lớp	178.170.000	Công an tỉnh	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
5	Bồi dưỡng huấn luyện nâng cao nghiệp vụ về chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương	Cán bộ ngành Công an	2	300				Quý II- IV	14 ngày/lớp	118.370.000	Công an tỉnh	
6	Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn cho lực lượng phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự Công an tỉnh	Cán bộ ngành Công an	2	250				Quý II- IV	04 ngày/lớp	71.970.000	Công an tỉnh	
7	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cán bộ ngành Công an	2	249				Quý II- IV	2,5 ngày/lớp	72.670.000	Công an tỉnh	
8	Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy	Cán bộ ngành Công an	2	150				Quý II- IV	2,5 ngày/lớp	48.000.000	Công an tỉnh	
9	Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân nhập ngũ năm 2026	Chiến sĩ Công an		538				Quý II, III	21 ngày	198.833.000	Công an tỉnh	
10	Bồi dưỡng tập huấn thường xuyên cho lực lượng Cảnh sát cơ động	Cán bộ ngành Công an	2	200				Quý II- IV	10 ngày/lớp	118.170.000	Công an tỉnh	
11	Bồi dưỡng, tập huấn công tác bảo vệ bí mật nhà nước	Cán bộ ngành Công an	1	95				Quý II, III	01 ngày	14.050.000	Công an tỉnh	

TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
12	Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ Cảnh sát khu vực	Cán bộ ngành Công an	7	840				Quý II- IV	05 ngày/ lớp	65.700.000	Công an tỉnh	
13	Bồi dưỡng tập huấn công tác liên quan cư trú, căn cước công dân, định danh điện tử, Đề án 06	Cán bộ ngành Công an	5	600				Quý II- IV	05 ngày/ lớp	52.100.000	Công an tỉnh	
14	Bồi dưỡng, tập huấn công tác khám nghiệm hiện trường cho lực lượng Công an cơ sở	Cán bộ ngành Công an	2	110				Quý II- IV	30 ngày/ lớp	116.400.000	Công an tỉnh	
15	Bồi dưỡng, tập huấn công tác bảo vệ hiện trường cho lực lượng Công an cơ sở	Cán bộ ngành Công an	5	600				Quý II- IV	05 ngày/ lớp	14.600.000	Công an tỉnh	
16	Bồi dưỡng, tập huấn công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị	Cán bộ ngành Công an	1	150				Quý II- IV	05 ngày	22.100.000	Công an tỉnh	
17	Bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cho lãnh đạo, chỉ huy đối tượng 3 (cấp đội và tương đương)	Cán bộ ngành Công an	2	300				Quý II- IV	07 ngày/ lớp	57.276.000	Công an tỉnh	
18	Bồi dưỡng, tập huấn công tác đăng ký xe	Cán bộ ngành Công an	1	200				Quý II- IV	05 ngày	15.000.000	Công an tỉnh	
19	Bồi dưỡng, tập huấn công tác cấp đổi cấp lại giấy phép lái xe	Cán bộ ngành Công an	1	103				Quý II- IV	12 ngày	36.840.000	Công an tỉnh	



TT	Tên lớp	Đối tượng	Số lớp	Tổng số học viên	Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn			Thời gian		Dự kiến Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tập trung	Trực tuyến	Kết hợp trực tiếp và trực tuyến	Khai giảng	Bế giảng			
20	Bồi dưỡng, tập huấn công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính	Cán bộ ngành Công an	1	150				Quý II- IV	02 ngày	15.040.000	Công an tỉnh	
21	Bồi dưỡng, tập huấn công tác nghiệp vụ cơ bản cho lực lượng Cảnh sát giao thông	Cán bộ ngành Công an	1	100				Quý II- IV	01 ngày	7.720.000	Công an tỉnh	
	Tổng cộng (I+II+III)		43	6.642						7.944.949.000		

